

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ GẠO  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19/3/2021

V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO - TỈNH TIỀN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Vũ Hoài Phương.***

***Các Hội thẩm nhân dân:***

- 1. Ông Nguyễn Trung Trực;**
- 2. Ông Nguyễn Quốc Thuận.**

**- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.**

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:* Bà Lý Nguyễn Huyền Trang - Kiểm sát viên.**

Ngày 19 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 641/2020/TLST-HNGĐ ngày 08/12/2020 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/02/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08/3/2021, giữa các đương sự:

**- *Nguyên đơn:* Chị Lê Mai Hồng N, sinh năm 1988 (xin vắng mặt).**

**Địa chỉ: Tổ 13A, ấp B, xã Đ, huyện H, tỉnh Tiền Giang.**

**- *Bị đơn:* Anh Võ Văn T, sinh năm 1979 (vắng mặt).**

**Địa chỉ: ấp P, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2020, tại bản tự khai và đơn xin vắng mặt, nguyên đơn là chị Lê Mai Hồng N trình bày:**

Chị và anh T sau thời gian tìm hiểu, tự nguyện chung sống vào năm 2011 và tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 22/3/2011.

Qua quá trình chung sống, Chị và anh T đã tạo lập được:

- Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Ngọc Thái A, sinh ngày 25/6/2012 và cháu Võ Thái O, sinh ngày 19/8/2020;

- Về tài sản chung: Không có;

- Về nợ chung: Không có.

Trong cuộc sống vợ chồng, thời gian đầu sống có hạnh phúc nhưng được một thời gian, thì phát sinh mâu thuẫn do cả hai không phù hợp nhau về tính tình, nảy sinh nhiều tranh cãi, anh T không quan tâm chăm sóc gia đình, thường xuyên ăn nhậu. Chị đã cố gắng hòa hợp và tìm mọi cách để hàn gắn gia đình, tiếp tục chung sống với anh T nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không còn tình cảm nữa. Vợ chồng đã ly thân từ khoảng đầu năm 2019 cho đến nay.

Nay Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn với anh T. Khi ly hôn: Về con chung: Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung do không có.

\* Phần trình bày của bị đơn là anh Võ Văn T: Anh không đồng ý ly hôn với chị N vì mâu thuẫn giữa anh chị chỉ là mâu thuẫn nhỏ, anh còn thương vợ con nên muốn hàn gắn gia đình. Về con chung do anh không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

\* Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và xác định: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, giao 02 con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị N có đơn khởi kiện đối với anh T. Anh T có địa chỉ tại địa bàn huyện Chợ Gạo nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị N có đơn xin ly hôn với anh T. Chị N và anh T có tiến hành đăng ký kết hôn nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ pháp luật là tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”.

[3]. Về yêu cầu đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, theo đơn xin vắng mặt chị N vẫn giữ yêu cầu khởi kiện đối với anh T.

Nguyên nhân chị N xin ly hôn với anh T là do cả hai không phù hợp nhau về tánh tình, không có tiếng nói chung và anh T không quan tâm chăm sóc gia đình, thường xuyên ăn nhậu. Chị đã tìm mọi biện pháp nhưng không hàn gắn gia đình được.

Đối với anh T, anh không đồng ý ly hôn với chị N vì mâu thuẫn giữa anh chị là mâu thuẫn nhỏ, anh còn thương vợ con nên muốn hàn gắn gia đình. Tuy nhiên, Anh không có tài liệu, chứng cứ nào gửi Tòa án nhằm để bảo vệ quyền lợi chính đáng của Anh cũng N anh không đưa ra phương án, kế hoạch nhằm đoàn tụ cùng chị N và vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án mà không có lý do.

Xét yêu cầu ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng của chị N và anh T là có thật, là trầm trọng không thể hàn gắn được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N để tạo điều kiện cho cả hai có cuộc sống mới.

Xét yêu cầu nuôi con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu A và cháu O hiện đang sống cùng chị N và có nguyện vọng sống cùng chị N. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cháu 02 cháu cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Xét yêu cầu cấp dưỡng, Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án không có đương sự nào yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

Đối với anh T, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do và chị N có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N và anh T.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 264; Điều 266; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Mai Hồng N. Chị N được ly hôn với anh Võ Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Võ Ngọc Thái A, sinh ngày 25/6/2012 và cháu Võ Thái O, sinh ngày 19/8/2020 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị N phải chịu là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) mà Chị đã nộp theo biên lai thu số 0004468 ngày 02/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, xem như chị N đã thực hiện xong.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Mai Hồng N và anh Võ Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND H. Chợ Gạo;
- Chi cục THADS H. Chợ Gạo;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã K;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Ngô Vũ Hoài Phương**